

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 6 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2019/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Sơn Hồng T (Sơn Hồng T1, Sơn Thị Hồng T1), sinh năm 1989 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số X, ấp T, xã M, huyện M, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Trung Th, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp L, xã R, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2019 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Sơn Hồng T trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2015 bà và ông Huỳnh Trung Th chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh S. Quá

trình tìm hiểu nhau thời gian ngắn nên không tìm được hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên tranh cãi do không phù hợp về tính tình. Từ tháng 3/2016, ông Th thường xuyên ăn nhậu, không chăm lo cuộc sống gia đình, bỏ mặc bà trong lúc bà đang mang thai mà không quan tâm chăm sóc. Bà và ông Th đã không còn chung sống với nhau từ ngày 01/02/2017 cho đến nay. Bà nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Trung Th. Về con chung có 01 người tên là Sơn Thị Ánh T2 (giới tính nữ), sinh ngày 31/10/2016 hiện nay đang do bà nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Huỳnh Trung Th đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai chứng cứ.

Đại diện Chính quyền địa phương ấp L, xã R, huyện P, tỉnh C xác định: Vợ chồng bà Sơn Hồng T và ông Huỳnh Trung Th đăng ký kết hôn ở nơi khác, không sinh sống tại địa phương ấp L nên chính quyền địa phương không biết được mâu thuẫn gia đình.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Sơn Hồng T (Sơn Hồng T1, Sơn Thị Hồng T1) ly hôn với ông Huỳnh Trung Th. Về con chung giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí buộc bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Sơn Hồng T yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Trung Th nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Huỳnh Trung Th vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. Xét về hôn nhân, bà T xác định bà và ông Th chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh S, được chứng nhận kết hôn vào ngày 21/12/2015. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên bà T và ông Th được công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, bà T xác định quá trình tìm hiểu nhau thời gian ngắn nên không tìm được hạnh phúc. Bà T và ông Th thường xuyên tranh cãi do không phù hợp về tính tình. Từ tháng 3/2016, ông Th thường xuyên ăn nhậu, không chăm lo cuộc sống gia đình, bỏ mặc bà T trong lúc bà đang mang thai mà không quan tâm chăm sóc. Bà T và ông Th đã không còn chung sống với nhau từ ngày 01/02/2017 cho đến nay mà không thể hòa giải, hàn gắn và không thể tiếp tục cuộc sống chung. Bà T nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn

nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Trung Th. Ông Th đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đồng thời không cung cấp lời khai, chứng cứ cho thấy ông Th không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Th đã và đang trầm trọng, bà T cương quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, việc bà T yêu cầu ly hôn với ông Th là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà T xác định giữa bà và ông Th có 01 người con chung tên là Sơn Thị Ánh T2 (giới tính nữ) sinh ngày 31/10/2016. Hiện tại con chung đang do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, xét thấy con chung chưa đủ 36 tháng tuổi nên việc tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi là phù hợp với khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T nên ghi nhận xét thấy là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Sơn Hồng T ly hôn với ông Huỳnh Trung Th.

2. Về con chung: Giao Sơn Thị Ánh T2 (giới tính nữ) sinh ngày 31/10/2016 cho bà Sơn Hồng T chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Sơn Thị Ánh T2 đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Huỳnh Trung Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Sơn Hồng T về việc không yêu cầu ông Huỳnh Trung Th cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Trung Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Sơn Hồng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà T đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0019061, ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã M, huyện M, tỉnh S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước